

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất trường trung học cơ sở, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	22	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	30	1.37
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhò	0	0
5	Số phòng học bộ môn	9	1.28
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	2.74
7	Bình quân lớp/phòng học	1	1.37
8	Bình quân học sinh/lớp	35	1.37
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	3.058,7 m2	4.09

V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1.400 m2	1.87
VI	Tổng diện tích các phòng	1.440 m2	1.92
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	1.37
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	45	1.28
3	Diện tích thư viện (m ²)	90	0.8
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	240	6.85
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	90	2.57
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu		Số bộ/lớp
	(Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	32	1.39
1.1	Khối lớp 6	9	1.5
1.2	Khối lớp 7	9	1.5
1.3	Khối lớp 8	9	1.8
1.4	Khối lớp 9	9	1.8
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	20	20
2.1	Khối lớp 6	5	0.83

2.2	Khối lớp 7	5	0.83
2.3	Khối lớp 8	5	1
2.4	Khối lớp 9	5	0.83
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	100	4.34
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	72	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét	8	0.34
3	Đầu Video/đầu đĩa	15	0.65
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	0.13
5	Thiết bị khác...	3	0.13
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số thiết bị/lớp
----	--------------------------------------	------------------------

1	Ti vi	9
2	Cát xét	1
3	Đầu Video/đầu đĩa	0.65
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0.13
5	Thiết bị khác...	0.13
6		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	48	38	0.8
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh
------------	-------------	--------------------	-------------------	-----------------------------

STT	Trạng thái vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		0.17
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 26/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 3, ngày 08 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG